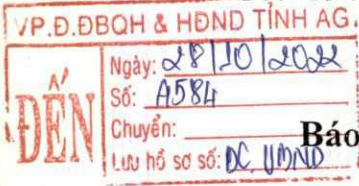


Số: 694 /BC-UBND

An Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2022



BÁO CÁO

Báo cáo kết quả thực hiện trường học đạt chuẩn quốc gia tập trung các trường thuộc các xã đã được công nhận Nông thôn mới

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc tổ chức kỳ họp cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trường học đạt chuẩn quốc gia tập trung các trường thuộc các xã đã được công nhận Nông thôn mới như sau:

I. Công tác lãnh chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn

1. Các văn bản đã ban hành:

Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 tỉnh An Giang.

2. Phân bổ nguồn vốn:

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản số 486/VPUBND-KGVX về thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và kinh phí xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo lộ trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập danh mục chính thức dự án khởi công mới của Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tại 28 xã nông thôn mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 – 2025, với tổng số danh mục đầu tư 170 điểm trường, gồm 100 đơn vị trường học (số điểm chính 100 điểm, số điểm phụ 70 điểm), tổng vốn khái toán đầu tư khoảng 3.385.107 triệu đồng, trong đó:

a) **Mầm non - Mẫu giáo:** Tổng số 56 điểm trường khởi công mới, trong đó: 26 điểm chính, 30 điểm phụ.

b) **Tiểu học:** Tổng số 76 điểm trường khởi công mới, trong đó: 37 điểm chính, 39 điểm phụ.

c) **Trung học cơ sở:** Tổng số 30 điểm trường khởi công mới, trong đó: 29 điểm chính, 01 điểm phụ (Phân hiệu).

d) Trung học phổ thông:

- Danh mục trường Trung học phổ thông (đối với xã NTM): Tổng số 05 điểm trường khởi công mới.

- Danh mục trường Trung học phổ thông (đối với huyện NTM): Tổng số 03 điểm trường khởi công mới.

3. Lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành rà soát kết quả công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2020 và thống kê lại việc tự đánh giá của các trường học toàn tỉnh theo 5 tiêu chuẩn quy định tại các Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục (KDCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia (CQG) đối với trường học các cấp. Nhằm đánh giá chính xác thực trạng việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo các tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại các đơn vị, qua đó làm cơ sở xác định cụ thể lộ trình thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời đề ra ra một số chỉ tiêu để các trường phấn đấu thực hiện.

Trên cơ sở tính đến cuối năm 2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 287/706 trường, chiếm tỷ lệ 40,65% và trên cơ sở cân đối các nguồn lực về đội ngũ, tài chính, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và việc hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá của các đơn vị trường học, dự kiến đến năm 2025 tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia khoảng trên 55%¹. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đăng ký hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội hàng năm về tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến cuối năm 2025 đạt 55% số trường học đạt chuẩn.

¹ Lộ trình theo từng bậc, cấp học

Ngành, cấp học	Số trường công lập	Số trường đạt chuẩn giai đoạn 2010-2020				Số trường đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025		
		Số trường đạt chuẩn đến 2015	Số trường đạt chuẩn đến giai đoạn 2016-2020	Lũy kế đến 2020	Tỷ lệ (%)	Số trường đạt chuẩn đến giai đoạn 2021-2025	Lũy kế đến 2025	Tỷ lệ (%)
Mầm non	180	19	54	73	40.56	29	104	57.78
Tiểu học	321	42	76	118	36.76	43	161	50.16
THCS	156	16	59	75	48.08	25	100	64.10
THPT	49	10	11	21	42.86	09	30	61.22
Toàn tỉnh	706	87	200	287	40.65	106	393	55.67

Lộ trình theo thời gian:

- + Năm 2021: có 320/706 trường đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 45.33%;
- + Năm 2022: có 335/706 trường đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 47.45%;
- + Năm 2023: có 359/706 trường đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 50.58%;
- + Năm 2024: có 378/706 trường đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 53.54%;
- + Năm 2025: có 393/706 trường đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 55.67%.

II. Kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chuẩn xây dựng trường đạt chuẩn trên địa bàn các xã điểm Nông thôn mới

1. Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các Sở, ban ngành và chính quyền địa phương:

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp tốt với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố tổ chức khảo sát thực tế cơ sở vật chất, thiết bị các trường học đối với các xã còn lại của hai huyện nông thôn mới (huyện Chợ Mới và Châu Thành) và 28 xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Ngành Giáo dục và Đào tạo lập danh mục xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo nguyên tắc lộ trình xã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì năm liền sau các trường trên địa bàn xã được đầu tư cơ sở vật chất sẽ đạt chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia (các trường thuộc lộ trình xã NTM phải hoàn thiện và đạt 04 tiêu chuẩn đối với tiêu chuẩn không cần vốn).

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành làm việc với huyện An Phú, thị xã Tân Châu, huyện Châu Phú, huyện Châu Thành và huyện Chợ Mới về tiến độ thực hiện xây dựng các công trình trường học theo Tiêu chí 5 với 09 xã thuộc lộ trình năm 2022 và công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2022².

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, triển khai thực hiện Đề án “Vận động xây dựng Quỹ Khuyến học cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang” (giai đoạn 2021-2025); tổ chức xét duyệt, cấp phát các loại học bổng cho nhiều đối tượng học sinh, sinh viên, trong đó có các em bị khiếm khuyết (tay, chân), hoàn cảnh khó khăn, học giỏi, tài năng, tạo điều kiện cho các em tiếp tục đến trường; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Chỉ đạo việc kiểm tra, xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện chỉ tiêu và tiến độ thực hiện trường chuẩn quốc gia, nhất là các xã đã được công nhận Nông thôn mới:

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng nhiệm vụ tiến hành kiểm tra, đôn đốc, đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm ở các trường học. Đồng thời, chủ động xây dựng các tiêu chí chuyên môn, chỉ đạo các đơn vị trường học hoàn thiện và đạt chuẩn đối với những tiêu chí không cần vốn; việc triển khai thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách và các nguồn khác; chọn trường xây dựng đạt chuẩn quốc gia gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM để khi trường học đạt chuẩn cơ sở vật chất nông thôn mới thì cũng đạt chuẩn quốc gia; tham mưu việc đưa chỉ tiêu, lộ trình trường chuẩn quốc gia vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; có phương án dự phòng thay thế cho trường hợp

² Văn bản số 1127/SGDĐT-KHTC ngày 25/4/2022 về việc kiểm tra tình hình triển khai, thực hiện các tiêu chí xã NTM tại với 09 xã thuộc lộ trình năm 2022 do Sở GDĐT phụ trách và công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

các trường trong lộ trình không thể đạt chuẩn do: cơ sở vật chất thi công chậm tiến độ, giãn lộ trình đầu tư, có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật mức cảnh cáo trở lên.

- Tổ chức, thực hiện công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT đảm bảo đúng lộ trình và kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tính đến ngày 30/09/2022, số trường đạt chuẩn quốc gia là **339/697 trường**, đạt tỉ lệ **48,64%**³.

- Chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo và các địa phương tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về kiểm định chất lượng giáo dục đặc biệt là công tác tự đánh giá tại đơn vị. Những đơn vị đã được đánh giá và công nhận kết quả tiếp tục lập kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục theo hướng phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu theo ghi nhận của Đoàn đánh giá.

III. Tình hình thực hiện các nguồn đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Trong thời gian qua, tính từ thời điểm năm 2012 đến năm 2022, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, việc đầu tư hạ tầng giáo dục đào tạo ngày càng đạt kết quả tích cực. Số trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục tăng, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của tỉnh. Tỉnh An Giang đã tập trung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình trọng điểm, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh như: Đề án xây dựng cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2020, Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020⁴, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đã đạt 78/116 xã) gồm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học các cấp: mầm non⁵, tiểu học⁶, trung học cơ sở⁷, trung học phổ

³ + Mầm non: 89/180 trường, đạt tỉ lệ 49,44%;

+ Tiểu học: 133/312 trường, đạt tỉ lệ 42,63%;

+ THCS: 87/154 trường, đạt tỉ lệ 56,49%;

+ THPT: 30/51 trường, đạt tỉ lệ 58,82%.

⁴ Trên phạm vi toàn tỉnh trong giai đoạn này, tổng số đơn vị được đầu tư gồm 101 trường, 133 điểm trường (87 điểm chính, 49 điểm phụ), tổng số 428 phòng học 77 hạng mục hạ tầng kỹ thuật (có lồng ghép Đề án Chuẩn quốc gia 06 trường, gồm 11 điểm (07 điểm chính và 04 điểm phụ), 31 phòng học xây mới và 05 phòng học cải tạo, 06 hạ tầng kỹ thuật. Tổng kinh phí đầu tư 47.300 triệu đồng thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh.

⁵ Đầu tư cho 67 đơn vị trường học: Phòng học xây mới 455 phòng, cải tạo 146 phòng; phòng GD thể chất xây dựng mới 68 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng GD nghệ thuật xây dựng mới 63 phòng, cải tạo 04 phòng; phòng mỹ thuật xây dựng mới 13 phòng; phòng đa năng xây dựng mới 07 phòng; nhà bếp xây dựng mới 12 nhà, cải tạo 02 nhà; nhà kho xây dựng mới 12 nhà, phòng Hiệu trưởng xây dựng mới 57 phòng, cải tạo 09 phòng; phòng Phó Hiệu trưởng xây dựng mới 64 phòng, cải tạo 10 phòng; Văn phòng xây dựng mới 57 phòng, cải tạo 09 phòng; phòng họp xây dựng mới 42 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng y tế xây dựng mới 56 phòng, cải tạo 09 phòng; hạ tầng kỹ thuật xây dựng mới 81 HTKT, cải tạo 33 HTKT và các công trình phụ trợ khác.

⁶ Đầu tư cho 110 đơn vị trường học: Phòng học xây mới 708 phòng, cải tạo 1177 phòng; phòng học ngoại ngữ xây dựng mới 112 phòng, cải tạo 03 phòng; phòng học tin học xây dựng mới 34 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng học công nghệ xây dựng mới 38 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng GD nghệ thuật xây dựng mới 101 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng mỹ thuật xây dựng mới 25 phòng, phòng đa năng xây dựng mới 36 phòng; Thư viện xây dựng mới

thông⁸), Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025⁹; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và phân kỳ đầu tư phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025¹⁰; Nguồn vốn tài trợ của 04 ngân hàng nhà nước cho trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu và THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa¹¹; Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 - Bộ

105 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng thiết bị xây dựng mới 79 phòng, cải tạo 25 phòng; phòng Hiệu trưởng xây dựng mới 93 phòng, cải tạo 14 phòng; phòng Phó Hiệu trưởng xây dựng mới 109 phòng, cải tạo 13 phòng; Văn phòng xây dựng mới 88 phòng, cải tạo 16 phòng; phòng họp xây dựng mới 99 phòng, cải tạo 08 phòng; phòng y tế xây dựng mới 93 phòng, cải tạo 12 phòng; hạ tầng kỹ thuật xây dựng mới 80 HTKT, cải tạo 13 HTKT và các công trình phụ trợ khác.

⁷ Đầu tư cho 76 đơn vị trường học: Phòng học xây mới 318 phòng, cải tạo 678 phòng; PHBM Lý xây dựng mới 62 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM Hóa xây dựng mới 63 phòng, cải tạo 04 phòng; PHBM Sinh xây dựng mới 63 phòng, cải tạo 04 phòng; PHBM ngoại ngữ xây dựng mới 75 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM tin học xây dựng mới 75 phòng, cải tạo 06 phòng; PHBM công nghệ xây dựng mới 66 phòng, cải tạo 04 phòng; phòng GD nghệ thuật xây dựng mới 17 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng mỹ thuật xây dựng mới 18 phòng, phòng đa năng xây dựng mới 27 phòng; PHBM Khoa học xã hội 17 phòng, Thư viện xây dựng mới 69 phòng, cải tạo 04 phòng; phòng thiết bị xây dựng mới 47 phòng, cải tạo 24 phòng; phòng Hiệu trưởng xây dựng mới 59 phòng, cải tạo 11 phòng; phòng Phó Hiệu trưởng xây dựng mới 74 phòng, cải tạo 13 phòng; Văn phòng xây dựng mới 56 phòng, cải tạo 13 phòng; phòng họp xây dựng mới 67 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng y tế xây dựng mới 64 phòng, cải tạo 07 phòng; hạ tầng kỹ thuật xây dựng mới 30 HTKT, cải tạo 14 HTKT và các công trình phụ trợ khác.

⁸ Đầu tư cho 12 đơn vị trường học: Phòng học xây mới 34 phòng, cải tạo 217 phòng; PHBM Lý xây dựng mới 05 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM Hóa xây dựng mới 05 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM Sinh xây dựng mới 05 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM ngoại ngữ xây dựng mới 06 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM tin học xây dựng mới 06 phòng, cải tạo 05 phòng; PHBM công nghệ xây dựng mới 06 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng GD nghệ thuật xây dựng mới 06 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng mỹ thuật xây dựng mới 08 phòng, phòng đa năng xây dựng mới 10 phòng; PHBM Khoa học xã hội 07 phòng, Thư viện xây dựng mới 08 phòng, cải tạo 02 phòng; phòng thiết bị xây dựng mới 04 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng Hiệu trưởng xây dựng mới 02 phòng, cải tạo 06 phòng; phòng Phó Hiệu trưởng xây dựng mới 06 phòng, cải tạo 16 phòng; Văn phòng xây dựng mới 05 phòng, cải tạo 07 phòng; phòng họp xây dựng mới 07 phòng, cải tạo 03 phòng; phòng y tế xây dựng mới 02 phòng, cải tạo 07 phòng; hạ tầng kỹ thuật xây dựng mới 03 HTKT, cải tạo 06 HTKT và các công trình phụ trợ khác.

⁹ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025.

¹⁰ Quy mô dự án, gồm đầu tư xây dựng, cải tạo phòng học và phòng học Tin học cho toàn cấp tiểu học như sau:

- Phòng học đầu tư xây dựng mới: 795 phòng;
 - Phòng học cải tạo sửa chữa: 2.097 phòng;
 - Phòng bộ môn Tin học xây dựng mới: 195 phòng;
 - Phòng bộ môn Tin học cải tạo sửa chữa: 30 phòng;
- Tổng kinh phí thực hiện: 996.300 triệu đồng (nguồn NS tỉnh), trong đó:
- Đầu tư xây dựng và cải tạo phòng học: 791.550 triệu đồng;
 - Đầu tư mới và cải tạo phòng bộ môn tin học: 204.750 triệu đồng.

¹¹ Trường THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu:

- Ngân hàng tài trợ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh An Giang tài trợ.

- Hạng mục đầu tư: Cải tạo sửa chữa 39 phòng học, 3 phòng bộ môn và mua sắm thiết bị 03 phòng học bộ môn Tin học và thiết bị âm thanh hội trường. Kinh phí tài trợ 6.250 triệu đồng.

Trường THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- Chi nhánh Bắc An Giang – Châu Đốc tài trợ. Hạng mục đầu tư: Cải tạo sửa chữa 36 phòng học và mua sắm thiết bị phòng học. Kinh phí tài trợ 6.250 triệu đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Châu Đốc tài trợ. Hạng mục đầu tư: Cải tạo sửa chữa Nhà thi đấu; Khối phòng đọc Thư viện - Thiết bị, xây dựng nhà xe học sinh và hồ nước ngầm, Phòng cháy chữa cháy ngoại vi. Kinh phí tài trợ 6.250 triệu đồng.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông (Agribank) - Chi nhánh An Giang tài trợ. Hạng mục đầu tư: Cải tạo sửa chữa và xây dựng mới nhà xe giáo viên, sửa chữa 02 phòng Tin học+ thiết bị, xây dựng hệ thống cấp thoát nước ngoại vi. Kinh phí tài trợ 6.250 triệu đồng.

Giáo dục và Đào tạo¹²; Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên tại các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2020¹³; phát triển kết cấu hạ tầng cho các trường dân tộc nội trú tại địa phương¹⁴.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi:

- Tỉnh đã thực hiện rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới trường lớp các cấp học, ngành học từ mầm non phổ thông theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục; chú trọng phát triển trường, lớp. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện (thị xã, thành phố) đã tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện để từng bước hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương; quan tâm việc mở rộng quy mô một cách hợp lý; phát triển mạng lưới trường lớp theo quy hoạch; đến nay, đã phủ khắp 156/156 xã, phường, thị trấn.

- Nhận thức của đơn vị về vị trí, vai trò của công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia được nâng lên.

2. Khó khăn, hạn chế:

- Cơ sở vật chất trường học dù đã được đầu tư đáng kể nhưng nhìn chung chưa đồng bộ và chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự phát triển (chủ yếu xây dựng phòng học, còn thiếu nhiều phòng chức năng, phòng bộ môn...).

- Số lượng trường đạt chuẩn quốc gia chủ yếu được đầu tư cơ sở vật chất theo lộ trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Lộ trình CQG năm 2022 phải điều chỉnh do các xã đạt NTM năm 2021 chưa hoàn thành công tác xây dựng cơ bản nên các trường không đạt về tiêu chuẩn cơ sở vật chất.

¹² - Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa, qui mô cải tạo phòng học thành 06 phòng học bộ môn. Vốn (ADB) tài trợ 3.651 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 1.528 triệu đồng.

- Trường THPT Vĩnh Xương, qui mô xây dựng 06 phòng học bộ môn, khối Thư viện, 04 phòng học. san lấp mặt bằng, bồi hoàn mở rộng mặt bằng. Vốn (ADB) tài trợ 9.186 triệu đồng, đối ứng tỉnh 7.870 triệu đồng.

- Trường THPT Nguyễn Chí Thanh Vĩnh Xương, qui mô xây dựng 06 phòng học bộ môn, khối Thư viện. 04 phòng học, san lấp mặt bằng. Vốn (ADB) tài trợ 10.064 triệu đồng, đối ứng tỉnh 7.780 triệu đồng.

Đầu tư xây dựng mới Khối 15 phòng học, Khối hiệu bộ, 06 phòng học bộ môn, nhà luyện tập đa năng, nhà bếp, nhà ăn, nhà nghỉ giáo viên, ký túc xá nam - nữ, nhà vệ sinh, công hàng rào - nhà bảo vệ, các công trình phụ và hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị, hệ thống PCCC và báo cháy tự động và trang thiết bị. Tổng kinh phí đầu tư: 114.446.872.546 đồng (NSTW: 48.818.175.600 đồng (trong đó vốn sự nghiệp: 32.643.175.600 đồng) và NS tỉnh: 65.628.696.946 đồng). Trường Phổ thông DTNT THPT An Giang, đã đưa vào hoạt động kể từ Học kỳ II năm học 2015 - 2016.

¹³ thực hiện 109 phòng học tại các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh (cụ thể đầu tư cho giáo dục mầm non 42 phòng học và giáo dục tiểu học 67 phòng học), tập trung đầu tư 04 huyện khó khăn (Tri Tôn, Tịnh Biên, Tân Châu và An Phú). Với tổng kinh phí là: 84.949 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ 60.300 triệu đồng (vốn trái phiếu chính phủ) và nguồn vốn địa phương 24.649 triệu đồng.

¹⁴ Trường Phổ thông DTNT THPT An Giang; tổng kinh phí đầu tư: (114.446.872.546 đồng); Trường Phổ thông DTNT THCS Tịnh Biên (43.101.479.000 đồng); Trường Phổ thông DTNT THCS Tri Tôn (tổng mức đầu tư là 50.661 triệu đồng).

- Trong giai đoạn 2021 – 2025 đối với Tiêu chí 5 (Trường học), ngay đầu năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính khảo sát lập danh mục đầu tư theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2016-2020. Theo đó, tỷ lệ đầu tư cho Trường học là 70% các trường mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, đến giai đoạn mới, bộ tiêu chí công nhận xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đã có tăng hơn về các chỉ tiêu này.

- Ngoài tiêu chuẩn về CSVC, vẫn còn một số trường đã được đầu tư hoàn thiện CSVC theo lộ trình xã NTM nhưng không thể đề nghị trường đạt chuẩn quốc gia (chưa đạt một trong bốn tiêu chuẩn không cần vốn: (Tổ chức quản lý; CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh...)).

3. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn:

- Do điều kiện về vốn của địa phương buộc phải cân đối nguồn đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó “Điều chỉnh giãn lộ trình thực hiện đầu tư đối với trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông sang Dự án nhóm C: Từ năm 2024-2026 và Dự án nhóm B: Từ năm 2023-2026 nên ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện theo lộ trình. Ước tính đến cuối năm 2025, số công trình được chủ trương đầu tư trong giai đoạn ước hoàn thành dưới 70% (Trên 30% còn lại sẽ chậm tiến độ do giãn lộ trình; thời gian triển khai xây dựng cuối giai đoạn phải sang đầu năm 2026 mới hoàn thành; chậm bổ sung thiết bị bên trong dẫn đến không thể công nhận chuẩn quốc gia theo quy định).

- Về chuyên môn, một số địa phương cũng như Hiệu trưởng còn tâm lý trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước. Một bộ phận giáo viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi phương pháp giảng dạy, đổi mới hoạt động ở nhà trường; một số địa phương giáo viên cấp mầm non còn thiếu do phát triển nhanh quy mô trong những năm gần đây.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả triển khai thực hiện tiêu chí xã Nông thôn mới do ngành giáo dục và đào tạo phụ trách giai đoạn 2022-2025 và công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đến 2025 vào Quý I năm 2023 để tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đặt ra đối với tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục chủ động xây dựng các tiêu chí chuyên môn, chỉ đạo các đơn vị trường học hoàn thiện và đạt chuẩn đối với những tiêu chí không cần vốn; chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách và các nguồn khác; chọn trường xây dựng đạt chuẩn quốc gia gắn với Chương trình

mục tiêu quốc gia về xây dựng “Nông thôn mới” để khi trường học đạt chuẩn cơ sở vật chất nông thôn mới thì cũng đạt chuẩn quốc gia; tham mưu việc đưa chỉ tiêu, lộ trình trường chuẩn quốc gia vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện nghiêm túc việc phân cấp và trách nhiệm đầu tư của huyện, tỉnh đối với các trường học và trách nhiệm quản lý, thúc đẩy tiến độ đầu tư. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học; kêu gọi, huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; tùy theo điều kiện, từng cơ sở trường học thực hiện xã hội hóa xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu: công trường, hàng rào xung quanh trường, nhà vệ sinh cho học sinh... nhằm cùng nhau chăm lo sự nghiệp giáo dục cho con em.

- Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc điều phối, bố trí các nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để các trường học đạt chuẩn quốc gia, cũng như chuẩn bị triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng đất dành cho lĩnh vực giáo dục đào tạo trong kỳ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh nhằm khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện trường học đạt chuẩn quốc gia tập trung các trường thuộc các xã đã được công nhận Nông thôn mới./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND,
- TT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước